Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4501.10.00

Mã HS	4501.10.00
Mô tả hàng hóa	Lie tự nhiên, thô hoặc đã sơ chế; lie phế liệu; lie đã ép, nghiền thành hạt hoặc thành bột / - Lie tự nhiên, thô hoặc đã sơ chế
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 11:17:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/45011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7172
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7172
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7172
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6944
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6899
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6899
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6899
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6899
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6899
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6899
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6949
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6949

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6949
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6949
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6949
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6949
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6951
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6951
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6951
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6951
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6951
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6951
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6951
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6905
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6907
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6907
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6907
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6907
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6907
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6907
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6927
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6927
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6927
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6927
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6927
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6927
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6982
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6982

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6982
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6982
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6982
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6982
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6962
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6962
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6962
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6962
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6962
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6962
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6970
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6970
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6970
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6970
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6970
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6970
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6963
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6963
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6963
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6963
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6963
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6963
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6964
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6964
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6964
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6964

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6964
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6964
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6930
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6930
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6930
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6930
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6930
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6930
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6930
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6964
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6964
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6964
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6964
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6964
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6964
RCEP B	2022	2022	0	B!D6964
RCEP B	2023	2023	0	B!E6964
RCEP B	2024	2024	0	B!F6964
RCEP B	2025	2025	0	B!G6964
RCEP B	2026	2026	0	B!H6964
RCEP B	2027	2027	0	B!I6964
RCEP C	2022	2022	0	C!D6964
RCEP C	2023	2023	0	C!E6964
RCEP C	2024	2024	0	C!F6964
RCEP C	2025	2025	0	C!G6964
RCEP C	2026	2026	0	C!H6964

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6964
RCEP D	2022	2022	0	D!D6964
RCEP D	2023	2023	0	D!E6964
RCEP D	2024	2024	0	D!F6964
RCEP D	2025	2025	0	D!G6964
RCEP D	2026	2026	0	D!H6964
RCEP D	2027	2027	0	D!I6964
RCEP E	2022	2022	0	E!D6967
RCEP E	2023	2023	0	E!E6967
RCEP E	2024	2024	0	E!F6967
RCEP E	2025	2025	0	E!G6967
RCEP E	2026	2026	0	E!H6967
RCEP E	2027	2027	0	E!I6967
RCEP F	2022	2022	0	F!D6964
RCEP F	2023	2023	0	F!E6964
RCEP F	2024	2024	0	F!F6964
RCEP F	2025	2025	0	F!G6964
RCEP F	2026	2026	0	F!H6964
RCEP F	2027	2027	0	F!I6964
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6438
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6438
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6438
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6438

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4501.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4501.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7172), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.